

Số: 37 /TB - ĐHHV

Phú Thọ, ngày 24 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2023

Căn cứ Quyết định số 2082/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trình độ đại học năm 2023;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2023,

Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2023 Trường Đại học Hùng Vương thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2023 (điểm đủ điều kiện để nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm cả điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo) như sau:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn, bài thi xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	
			Điểm thi tốt nghiệp THPT	Kết quả học tập lớp 12
Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Văn, Sử, Địa (C00) 3. Văn, Sử, GDCD (C19) 4. Toán, Văn, Anh (D01)	22.0	24.0 (Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên)
Sư phạm Toán (Toán-Tin)	7140209	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) 4. Toán, GDCD, Tiếng Anh (D84)	22.0	
Sư phạm Ngữ Văn	7140217	1. Văn, Sử, Địa (C00) 2. Văn, Sử, GDCD (C19) 3. Văn, Sử, Tiếng Anh (D14) 4. Văn, Địa, GDCD (C20)	22.0	
Sư phạm Tiếng Anh	7140231	1. Tiếng Anh, Văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Văn, Địa (D15) 3. Tiếng Anh, Văn, Sử (D14) 4. Tiếng Anh, Văn, Lý (D11)	22.0	
Giáo dục Mầm non (*)	7140201	1. Văn, Toán, NK GDMN (M00) 2. Văn, Địa, NK GDMN (M07) 3. Văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2 (M01) 4. Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 (M09) NK GDMN, NK GDMN 2 tính hệ số 2	26.0 ^(a)	32.0 (Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên)

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn, bài thi xét tuyển	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào	
			Điểm thi tốt nghiệp THPT	Kết quả học tập lớp 12
Giáo dục Thể chất (*)	7140206	1. Toán, Sinh, Năng khiếu (T00) 2. Toán, Văn, Năng khiếu (T02) 3. Văn, GDCD, Năng khiếu (T05) 4. Văn, Địa, Năng khiếu (T07) <i>Năng khiếu tính hệ số 2</i>	24.0 ^(b)	26.0 <i>(Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên)</i>
Sư phạm Âm nhạc (*)	7140221	1. Văn, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N00) 2. Toán, NK ÂN 1, NK ÂN 2 (N01) <i>Năng khiếu ÂN 2 tính hệ số 2</i>	24.0 ^(b)	
Điều dưỡng	7720301	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Hóa, Sinh (B00) 3. Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07) 4. Toán, Sinh, Tiếng Anh (D08)	19.0	19.0 <i>(Học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên)</i>
Thú y	7640101	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Hóa, Sinh (B00) 3. Toán, Hóa, Tiếng Anh (D07) 4. Toán, Sinh, Tiếng Anh (D08)	16.0	18.0
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	1. Văn, Sử, Địa (C00) 2. Văn, Địa, GDCD (C20) 3. Văn, Toán, Tiếng Anh (D01) 4. Văn, Địa, Tiếng Anh (D15)	16.0	18.0
Kế toán	7340301	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Địa lý, GDCD (A09) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	16.0	18.0
Quản trị kinh doanh	7340101			
Tài chính – Ngân hàng	7340201			
Kinh tế	7310101			
Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	1. Tiếng Anh, Văn, Toán (D01) 2. Tiếng Anh, Văn, Lý (D11) 3. Tiếng Anh, Văn, Sử (D14) 4. Tiếng Anh, Văn, Địa (D15)	16.0	18.0
Ngôn ngữ Anh	7220201			
Công nghệ thông tin	7480201	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) 3. Toán, Hóa, Sinh (B00) 4. Toán, Văn, Tiếng Anh (D01)	16.0	18.0
Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301			
Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201			

Ghi chú:

(*) Các ngành có môn thi năng khiếu đã nhân hệ số.

(a) Tổng điểm (đã tính điểm ưu tiên) 3 bài thi/môn thi không nhân hệ số là 19.0.

(b) Tổng điểm (đã tính điểm ưu tiên) 3 bài thi/môn thi không nhân hệ số là 18.0.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- HT, CT HĐT, các PHT;
- Lưu: VP, ĐT.

CHỦ TỊCH HĐTS

HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Công Kiên